

## CÔNG KHAI THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

### 1. Tên cơ sở giáo dục

- Tên trung tâm: TRUNG TÂM ANH NGỮ ĐẠI Á
- Tên bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
- Địa chỉ hoạt động giáo dục: 147 Nguyễn Văn Tăng, Phường Long Bình
- Điện thoại: 090 2725 399
- Địa chỉ thư điện tử: [anhngudaia.vn@gmail.com](mailto:anhngudaia.vn@gmail.com), [contact@daia.edu.vn](mailto:contact@daia.edu.vn)
- Cổng thông tin điện tử (website): [daia.edu.vn](http://daia.edu.vn)

### 2. Tên chi nhánh và địa chỉ hoạt động của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử)

| STT | Tên chi nhánh | Địa chỉ hoạt động | Điện thoại | Địa chỉ thư điện tử | Cổng thông tin điện tử (website) |
|-----|---------------|-------------------|------------|---------------------|----------------------------------|
| 1.  | Không có      | Không có          | Không có   | Không có            | Không có                         |

### 3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư

- Loại hình cơ sở giáo dục: Trung tâm ngoại ngữ, tin
- Chủ sở hữu: Công Ty TNHH Ngoại Ngữ Cambridge
- Quốc gia/ Vùng lãnh thổ: Việt Nam
- Danh sách tổ chức, cá nhân góp vốn:

| STT | Tên Tổ chức, cá nhân góp vốn | Tỷ lệ % |
|-----|------------------------------|---------|
| 1.  | Trần Thị Vân Anh             | 49%     |
| 2.  | Phạm Ngọc Bích               | 51%     |

### 4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

- Sứ mạng: Mang đến cho học viên nền tảng ngôn ngữ vững chắc, giúp học viên phát triển các kỹ năng ngôn ngữ, tự tin giao tiếp trong học tập, làm việc và cuộc sống hằng ngày, từ đó mở rộng cơ hội nghề nghiệp và giao tiếp toàn cầu.
- Tầm nhìn: Là một trong những trung tâm Anh Ngữ uy tín với môi trường học tập sáng tạo và toàn diện, giúp học viên phát triển kỹ năng ngôn ngữ và tự tin bước ra thế giới.
- Mục tiêu: Đặt phát triển con người lên hàng đầu trong mọi hoạt động giáo dục.  
Luôn đổi mới và sáng tạo  
Tạo ra một cộng đồng học tập thân thiện  
Tạo ra những ảnh hưởng tích cực cho cộng đồng  
Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Hình thành năm 2012, tại vùng ven thành phố Hồ Chí Minh, thời điểm mà phụ huynh khu vực địa phương chưa chú trọng tới việc học tiếng Anh dành cho trẻ em. Sau

hơn 10 năm hoạt động, trung tâm đã đào tạo nhiều lứa học sinh thi và đạt các chứng chỉ quốc tế Cambridge, tạo nền tảng chú trọng việc học tiếng Anh cho trẻ em đối với phụ huynh vùng ven thành phố Hồ Chí Minh, Trung Tâm cũng tự hào trong việc đóng góp nâng cao ý thức về việc học tiếng Anh dành cho học sinh.

Bên cạnh đó Trung Tâm Anh Ngữ Đại Á cũng luôn chú trọng và nâng cao chất lượng đào tạo

- Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm:

- Họ và tên: Trần Thị Vân Anh

- Chức vụ: Giám đốc

- Địa chỉ làm việc: 147 Nguyễn Văn Tăng, Phường Long Bình, TPHCM.

- Số điện thoại: 090 576 3203

- Địa chỉ thư điện tử: v.anh0@yahoo.com

#### 5. Tổ chức bộ máy:

a. Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

| Tên quyết định                                 | Tên trung tâm           | Số quyết định | Ngày cấp quyết | Cơ quan cấp                  |
|------------------------------------------------|-------------------------|---------------|----------------|------------------------------|
| Quyết định về việc cho phép hoạt động giáo dục | Trung Tâm Anh Ngữ Đại Á | 2122/QĐ-SGDĐT | 18/08/2022     | Sở Giáo Dục và Đào Tạo TPHCM |

b. Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);

| Tên quyết định                                  | Tên trung tâm           | Số quyết định   | Ngày cấp quyết | Cơ quan cấp                  |
|-------------------------------------------------|-------------------------|-----------------|----------------|------------------------------|
| Quyết định về việc cho phép thành lập trung tâm | Trung Tâm Anh Ngữ Đại Á | 1670/QĐ-GDĐT-TC | 08/08/2017     | Sở Giáo Dục và Đào Tạo TPHCM |

c. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

- Họ và tên: Trần Thị Vân Anh

- Chức vụ: Giám đốc

- Địa chỉ làm việc: 147 Nguyễn Văn Tăng, Phường Long Bình, TPHCM.

- Số điện thoại: 090 576 3203

- Địa chỉ thư điện tử: v.anh0@yahoo.com

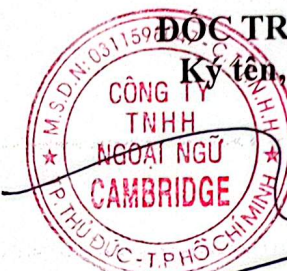
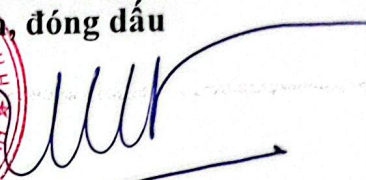
- Nhiệm vụ: Quản lý chuyên môn đào tạo. quản lý nhân sự, quản lý tài chính, quản lý cơ sở vật chất và an toàn cũng như chiến lược và phát triển trung tâm.

- Trách nhiệm

• Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hoạt động của trung tâm

- Đảm bảo trung tâm hoạt động đúng giấy phép: Giấy phép thành lập, Giấy phép hoạt động giáo dục
- Ký kết hợp đồng (giáo viên, nhân sự, đối tác, học viên).
- Là người đại diện làm việc với Sở GD&ĐT, cơ quan quản lý, thanh tra.

**ĐỘC TRUNG TÂM**  
Ký tên, đóng dấu



Trần Thị Vân Anh

INH H  
★  
HMINH

## **CÔNG KHAI THÔNG TIN THU, CHI TÀI CHÍNH**

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

- Các khoản chi:

- Chi tiền lương:

| STT | Nội dung chi                              | Số tiền (đơn vị tính đồng) |
|-----|-------------------------------------------|----------------------------|
| 1.  | Lương                                     | 450.000.000                |
| 2.  | Phụ cấp                                   | 50.000.000                 |
| 3.  | Lương tăng thêm                           | 80.000.000                 |
| 4.  | Các khoản chi khác có tính chất như lương | 20.000.000                 |

- Chi cơ sở vật chất và dịch vụ:

| STT | Nội dung chi                                                                                            | Số tiền (đơn vị tính đồng) |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| 1.  | Chi mua sắm                                                                                             | 20.000.000                 |
| 2.  | Duy tu sửa chữa                                                                                         | 48.000.000                 |
| 3.  | Bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất                                                                    | 18.000.000                 |
| 4.  | Trang thiết bị                                                                                          | 93.000.000                 |
| 5.  | Thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ | 20.000.000                 |

- Chi hỗ trợ người học:

| STT | Nội dung chi         | Số tiền (đơn vị tính đồng) |
|-----|----------------------|----------------------------|
| 1.  | Học bổng             | 32.900.000                 |
| 2.  | Trợ cấp              | Không có                   |
| 3.  | Hỗ trợ sinh hoạt     | Không có                   |
| 4.  | Hoạt động phong trào | 4.000.000                  |
| 5.  | Thi đua              | Không có                   |
| 6.  | Khen thưởng          | Không có                   |

- Chi khác:

| STT | Nội dung chi          | Số tiền (đơn vị tính đồng) |
|-----|-----------------------|----------------------------|
| 1.  | Chi quà 20/11         | 5.500.000                  |
| 2.  | Chi quà tết trung thu | 2.400.000                  |
| 3.  | Chi quà tết giáo viên | 6.000.000                  |
| 4.  | Chi quà tết học sinh  | 3.000.000                  |

- Các khoản thu và mức thu đối với người học:

+ Học phí: 850.000đ - 990.000đ / tháng ( tùy theo cấp độ lớp học)

+ Lệ phí: lệ phí thi chứng chỉ dựa theo mức thu do Trung Tâm ngoại Ngữ thu

+ Tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển. : không có

- Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

- Giảm 5% học phí cho 2 anh /chị em cùng học tại trung tâm.
- Giảm 10 % học phí cho con giáo viên hoặc nhân viên làm việc tại các trường công lập
- Giảm 100% học phí cho con giáo viên dạy tại trung tâm.
- 05 xuất học bổng giảm 100% học phí
- 05 xuất học bổng trị giá giảm 50% học phí
- 03 phiếu ưu đãi trị giá 200.000đ /1 xuất
- Trao 186 phần quà cho học sinh các trường Tiểu học và THCS ( mỗi phần quà trị giá 50.000đ)

- Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có): không có

- Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.



Trần Thị Vân Anh

**CÔNG KHAI**  
**ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**  
**THƯỜNG XUYỀN**

1. Thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

- Giám đốc trung tâm: Trần Thị Vân Anh

|          |              |
|----------|--------------|
| Trình độ | Căn cước     |
| 12/12    | 075179013200 |

Tổng số giáo viên người Việt Nam: 04

|             |                |                     |
|-------------|----------------|---------------------|
| Trình độ    | Cơ hữu (người) | Thỉnh giảng (người) |
| Cao Đẳng    |                |                     |
| Đại học     | 01             | 03                  |
| Sau Đại học |                |                     |

- Tổng số giáo viên người nước ngoài: 03

|             |                   |            |
|-------------|-------------------|------------|
| Trình độ    | Số Giấy phép động | Thời hạn   |
| Cao Đẳng    | 01                | 29/08/2026 |
| Đại học     | 01                | 02/05/2027 |
| Đại học     | 01                | 10/11/2026 |
| Sau Đại học |                   |            |

- Tổng số nhân viên: 01

|             |                |                 |
|-------------|----------------|-----------------|
| Trình độ    | Cơ hữu (người) | Thời vụ (người) |
| Cao Đẳng    |                |                 |
| Đại học     | 01             |                 |
| Sau Đại học |                |                 |

2. Thông tin về cơ sở vật chất:

- Tổng số phòng học ngoại ngữ: 05

| STT | Tên phòng       | Diện tích/Phòng | Vị trí (tầng) |
|-----|-----------------|-----------------|---------------|
| 1   | Phòng Australia | 15m2            | Tầng 1        |
| 2   | Phòng Canada    | 15m2            | Tầng 2        |
| 3   | Phòng America   | 22m2            | Tầng 1        |
| 4.  | Phòng England   | 22m2            | Tầng 2        |
| 5   | Phòng Scotland  | 22 m2           | Tầng 1        |

- Tổng số Phòng chức năng:

| STT | Tên phòng chức năng | Diện tích | Vị trí (tầng) |
|-----|---------------------|-----------|---------------|
| 1   | Phòng ghi danh      | 22m2      | Tầng trệt     |
| 2   | Phòng giáo viên     | 12m2      | Tầng trệt     |
| 3   | Phòng kế toán       | 22m2      | Tầng 1        |
| 4   | Khu vực đọc sách    | 15m2      | Tầng trệt     |
| 5   | Khu vực để xe       | 25m2      | Tầng trệt     |

- Số lượng thiết bị dạy học hiện có:

| STT | Tên thiết bị, đồ dùng dạy học (được trang bị trong phòng học) | Số lượng |
|-----|---------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bàn học sinh                                                  | 14       |
| 2.  | Ghế học sinh                                                  | 25       |
| 3.  | Ghế liền bàn học sinh                                         | 45       |
| 4.  | Bảng từ                                                       | 06       |
| 5.  | Máy tính                                                      | 02       |
| 6.  | Smartboard (bảng tương tác thông minh)                        | 03       |
| 7.  | Tivi                                                          | 03       |
| 8.  | laptop                                                        | 02       |

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục: chưa có

3.1. Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về nhà cung cấp chương trình

- Tên chương trình:
- Quốc gia cung cấp:
- Thông tin chi tiết về nhà cung cấp chương trình:

Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục:

3.2. Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục:

TRUNG TÂM ANH NGỮ ĐẠI Á  
CÔNG TY TNHH  
NGOẠI NGỮ  
CAMBRIDGE  
Giám đốc

Trần Thị Vân Anh

## CÔNG KHAI KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục trong năm học:

1.1. Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục:

- Đối tượng tuyển sinh: Học sinh
- Các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh: tháng 01, tháng 4, tháng 7, và tháng 10
- Các thông tin liên quan khác:

1.2. Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục:

- Dạy và học theo kế hoạch giảng dạy đã được cấp phép. Các em được học và ôn tập chuẩn bị cho các kỳ thi lấy chứng chỉ Cambridge

1.3. Các chương trình giáo dục thực hiện tại cơ sở giáo dục:

Safari, Kid's Box, Prepare

1.4. Yêu cầu phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội đối với các chương trình giáo dục thường xuyên giảng dạy cho học viên dưới 18 tuổi:

Trung tâm thường xuyên liên hệ với gia đình hoặc người bảo trợ cập nhật về tình hình học tập định kỳ mỗi khóa học và thường hay trao đổi với phụ huynh trong quá trình học.

1.5. Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học viên ở cơ sở giáo dục:

Tổ chức các câu lạc bộ tiếng Anh dành cho học sinh, các hoạt động trong các dịp lễ hội.

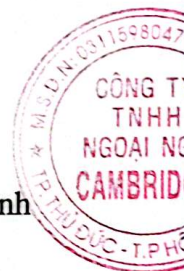
2. Thông tin về kết quả hoạt động giáo dục trong năm học trước:

1.1. Kết quả tuyển sinh trong năm học trước:

Kết quả tuyển sinh chưa hiệu quả. Để thu hút học sinh đăng ký học, cần điều chỉnh và chú trọng hơn trong việc nâng cao chất lượng dạy và học cũng như quảng bá hình ảnh.

1.2. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp phải công khai thêm nội dung: số lượng người học đang học. (chia theo số lượng người học là người Việt Nam, số lượng người học là người nước ngoài):

Không có

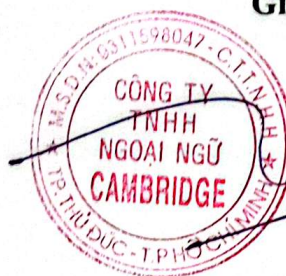


1.3. Kết quả thi các chứng chỉ quốc tế (nếu có)

| Tên chứng chỉ | Số lượng học viên đạt |
|---------------|-----------------------|
| Starters      | 11                    |
| Movers        | 05                    |
| Flyers        | 09                    |
| KET           | 02                    |
| PET           | 02                    |

**TRUNG TÂM ANH NGỮ ĐẠI Á**

**Giám đốc**



**Trần Thị Vân Anh**



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**TRUNG TÂM ANH NGỮ ĐẠI Á**

**MẪU SỐ 05**

**CÔNG KHAI  
DANH SÁCH NHÂN VIÊN**

| Mã trung tâm: 0557 |                    |          |          |                       |           |                 |
|--------------------|--------------------|----------|----------|-----------------------|-----------|-----------------|
| STT                | Họ và tên          | Năm sinh | Trình độ | Ngày ký<br>HĐ LĐ động | Đóng BHXH | Vị trí việc làm |
| 1                  | Trần Thị Thúy Diễm | 1999     | Đại học  | 01/06/2023            | có        | Nhân viên       |

TPHCM, Ngày 05 tháng 01 năm 2026

**TRUNG TÂM ANH NGỮ ĐẠI Á**

Giám đốc



Trần Thị Vân Anh

**CÔNG KHAI**  
**DANH SÁCH GIÁO VIÊN NGƯỜI VIỆT NAM**

| Mã trung tâm: 0557 |                   |          |          |              |                             |                    |                  |                                              |
|--------------------|-------------------|----------|----------|--------------|-----------------------------|--------------------|------------------|----------------------------------------------|
| STT                | Họ và tên         | Năm sinh | Trình độ | Chuyên ngành | Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm | Cơ hữu/Thỉnh giảng | Ngày ký hợp đồng | Đóng BHXH                                    |
| 1                  | ĐẶNG THUY TIÊN    | 1996     | Đại học  | Ngôn Ngữ Anh | có                          | Thỉnh giảng        | 02/01/2026       | Không ( giáo viên đã đóng bảo hiểm ở trường) |
| 2                  | HÀNG KHÁNH VY     | 1993     | Đại học  | Ngôn Ngữ Anh | có                          | Thỉnh giảng        | 02/01/2026       | Không ( giáo viên đã đóng bảo hiểm ở trường) |
| 3                  | BÙI THỊ NGỌC HIỀN | 1991     | Đại học  | Ngôn Ngữ Anh | có                          | Thỉnh giảng        | 02/01/2026       | Không ( giáo viên đã đóng bảo hiểm ở trường) |

TPHCM, Ngày 05 tháng 01 năm 2026

**TRUNG TÂM ANH NGỮ ĐẠI Á**



Giám đốc

Trần Thị Vân Anh

**CÔNG KHAI**  
**DANH SÁCH GIÁO VIÊN NGƯỜI NƯỚC NGOÀI**

| Mã trung tâm: 0557 |                         |          |             |            |          |                         |                       |                             |                  |                             |
|--------------------|-------------------------|----------|-------------|------------|----------|-------------------------|-----------------------|-----------------------------|------------------|-----------------------------|
| STT                | Họ và tên               | Năm sinh | Số hộ chiếu | Quốc tịch  | Trình độ | Chuyên môn              | Số giấy phép lao động | Ngày cấp giấy phép lao động | Ngày ký hợp đồng | Thực hiện chế độ chính sách |
| 1                  | FERNANDO ARELLANO       | 1970     | P8542609A   | Phi li pin | Đại học  | Giáo dục công nghiệp vẽ | 105294/SLĐ-GP         | 30/05/2025                  | 18/07/2025       | Có                          |
| 2                  | OTHMAN BERGHABI         | 2000     | XR3714568   | Ma rốc     | Đại học  | Ngôn Ngữ Anh            | 079241.017.047        | 06/11/2024                  | 22/11/2024       | Có                          |
| 3                  | WIINMAALEN MARK WILLIAM | 1972     | NVF3HR2R3   | Hà Lan     | Cao đẳng | Marketing               | 19976/SLĐTBXH-VLATLĐ  | 13/08/2024                  | 09/11/2024       | Có                          |

TPHCM, Ngày 05 tháng 01 năm 2026

**TRUNG TÂM ANH NGỮ ĐẠI Á**

Giám đốc



Trần Thị Vân Anh

**CÔNG KHAI VỀ HỌC PHÍ**

| Mã trung tâm: 0557 |           |                            |              |                  |                  |         |
|--------------------|-----------|----------------------------|--------------|------------------|------------------|---------|
| STT                | Môn dạy   | Tên chương trình giảng dạy | Cấp độ       | Học phí năm 2024 | Học phí năm 2025 | Ghi chú |
| 1                  | TIẾNG ANH | Super Safari 1,2,3         | Pre starters | 1,650,000        | 1,650,000        |         |
| 2                  | TIẾNG ANH | KB 1                       | Starters     | 1,680,000        | 1,700,000        |         |
| 3                  | TIẾNG ANH | KB 2                       |              | 1,680,000        | 1,700,000        |         |
| 4                  | TIẾNG ANH | KB 3                       | Movers       | 1,700,000        | 1,740,000        |         |
| 5                  | TIẾNG ANH | KB 4                       |              | 1,740,000        | 1,770,000        |         |
| 6                  | TIẾNG ANH | KB5                        | Flyers       | 1,800,000        | 1,820,000        |         |
| 7                  | TIẾNG ANH | KB6                        |              | 1,820,000        | 1,830,000        |         |
| 8                  | TIẾNG ANH | Prepare 1 (1,2,3)          | STARTERS     | 1,850,000        | 1,890,000        |         |
| 9                  | TIẾNG ANH | Prepare 2 (1,2,3)          | KET          | 1,890,000        | 1,920,000        |         |
| 10                 | TIẾNG ANH | Prepare 3 , A2             |              | 1,900,000        | 1,940,000        |         |
| 11                 | TIẾNG ANH | Prepare 4 (1,2,3)          | PET          | 1,920,000        | 1,980,000        |         |
| 12                 | TIẾNG ANH | Prepare 5 (1.2.3)          | FCE          | 2,200,000        | 2,400,000        |         |
| 13                 | TIẾNG ANH | Prepare 6,7 (1.2.3)        | FCE          | 2,230,000        | 2,400,000        |         |

**TRUNG TÂM ANH NGỮ ĐẠI Á**

Giám đốc

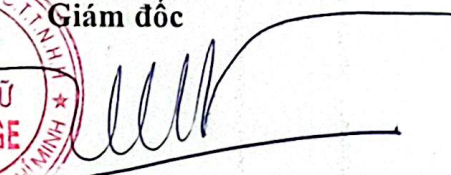


Trần Thị Vân Anh

**CÔNG KHAI**  
**BÁO CÁO VỀ CHÍNH SÁCH HỌC BỔNG, CHÍNH SÁCH KHÁC**

| STT | Mã trung tâm | Tên loại học bổng/ Chính sách khác               | Năm 2025               |                        |
|-----|--------------|--------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
|     |              |                                                  | Số tiền/ xuất năm 2024 | Số xuất trong năm 2025 |
| 1   | 0557         | Học bổng toàn phần                               |                        | 8.500.000              |
| 2   | 0557         | Học bổng bán phần                                |                        | 3.916.000              |
|     |              | Ưu đãi học phí ( nhận voucher tham gia trò chơi) |                        | 600.000                |
| 3   | 0557         | Ưu đãi giảm 5% hai anh /chị em                   |                        | 1,020.000              |
| 4   | 0557         | Ưu đãi giảm 10% con giáo viên nhân viên          |                        | 3.564.000              |
| 5   | 0557         | Ưu đãi 100% con giáo viên dạy tại trung tâm      |                        | 9.900.000              |
| 6   | 0557         | Học bổng dành cho học sinh xuất sắc              |                        | 5.400.000              |

**TRUNG TÂM ANH NGỮ ĐẠI Á**  
Giám đốc



Trần Thị Vân Anh